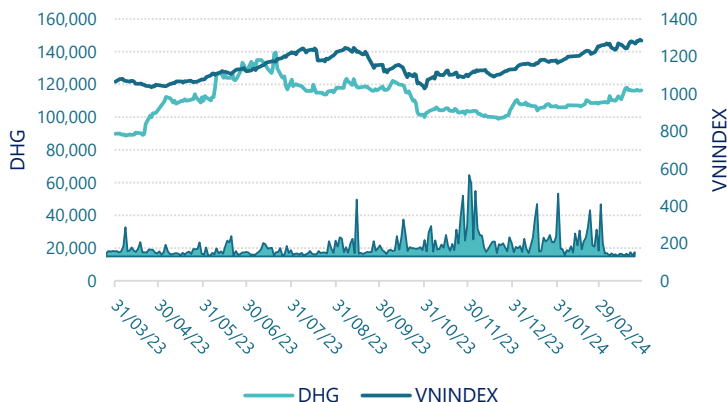




CTCP Dược Hậu Giang (HSX: DHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	116,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	139,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	88,688
SL cổ phiếu LH	130,746,071
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,720
% sở hữu nước ngoài	53.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,219
P/E	16.7
EPS	6,981

DT thuần

Q1/24

1,259

tỷ VNĐ

QoQ: ▼276 | -18.0%

YoY: ▲ 30.0 | 2.4%

LN sau thuế

Q1/24

222

tỷ VNĐ

QoQ: ▼39.0 | -14.9%

YoY: ▼139 | -38.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

23.7%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2023

5,015

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 339 | 7.3%

LN sau thuế

2023

1,051

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 63.0 | 6.3%

ROE

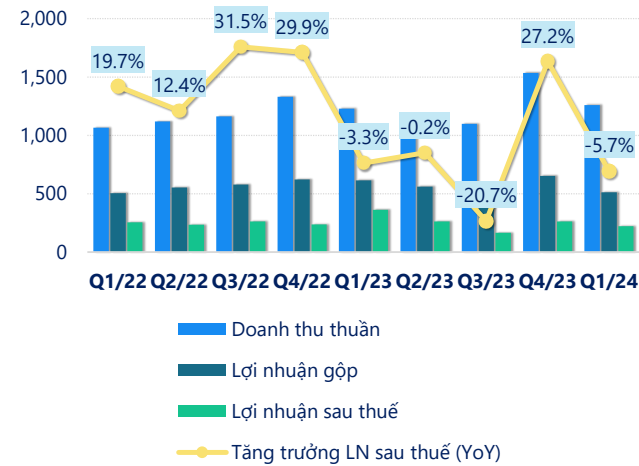
2023

23.0%

+/- YoY: ▼ 1.5%

tỷ VNĐ

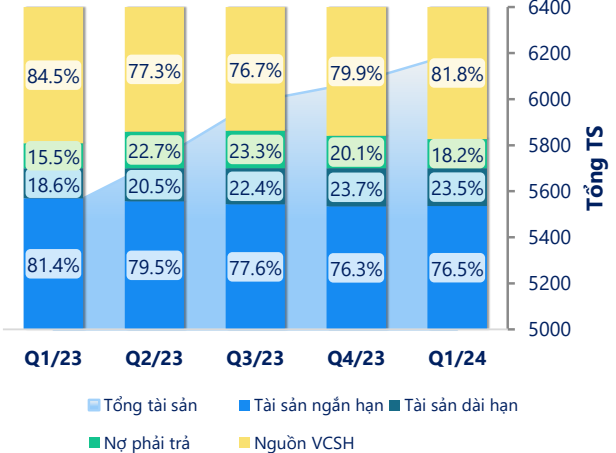
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

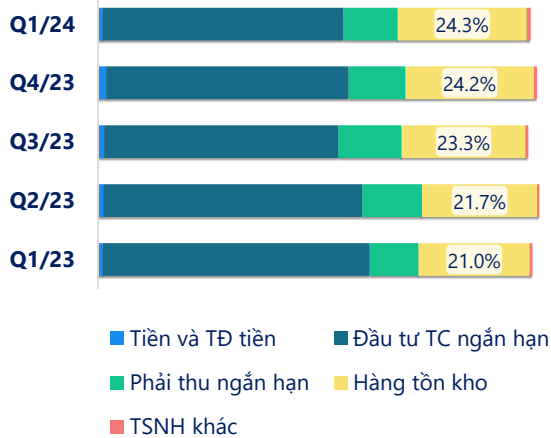
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



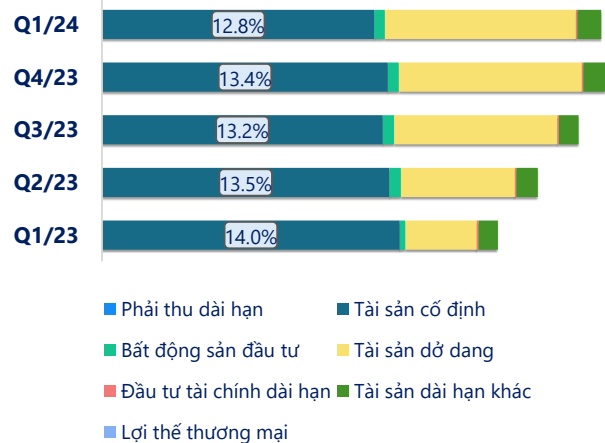
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

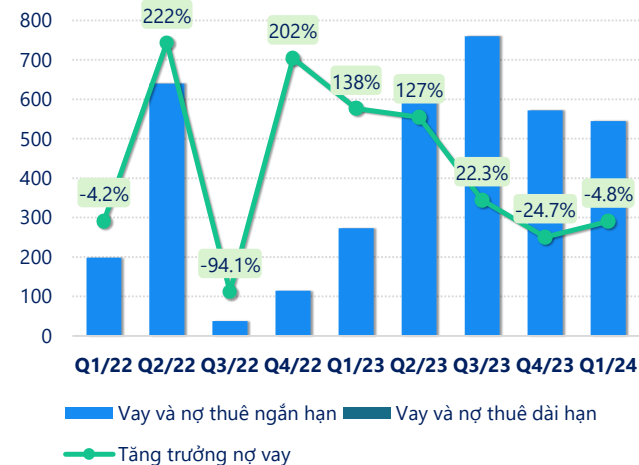
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

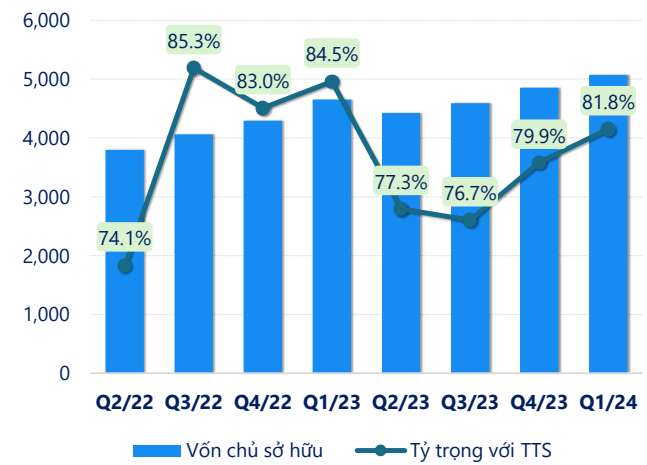
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

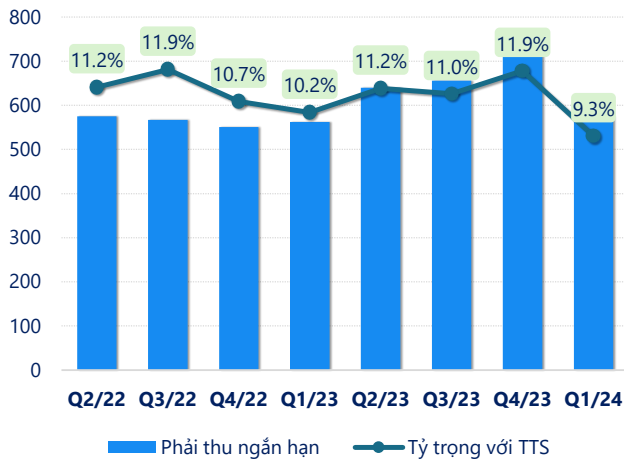
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



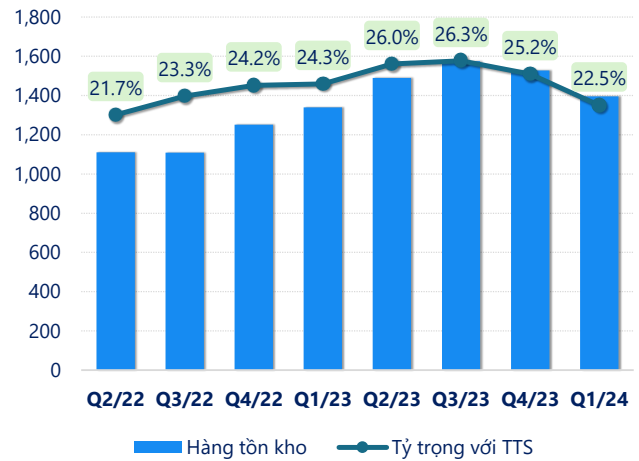
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


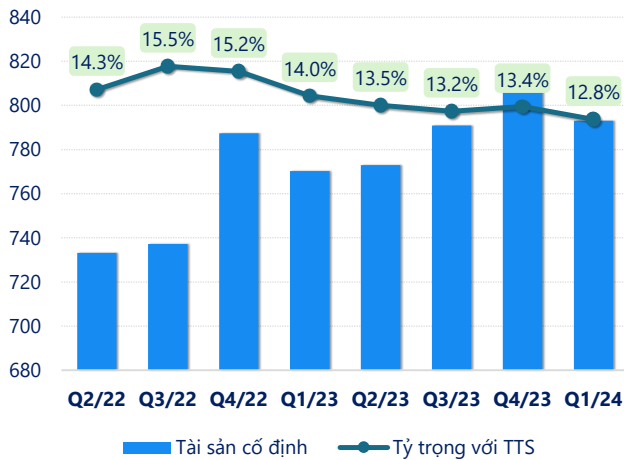
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


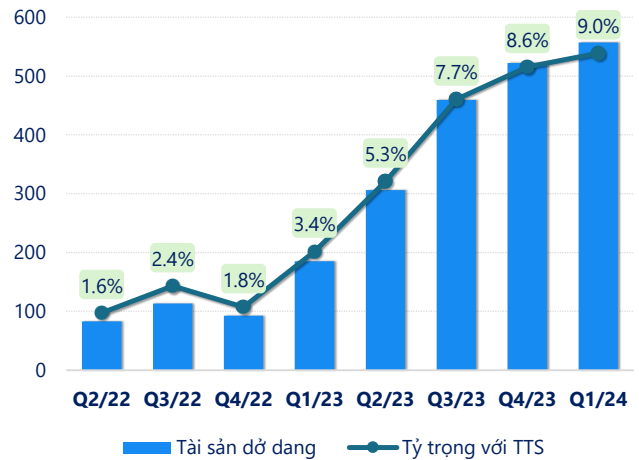
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

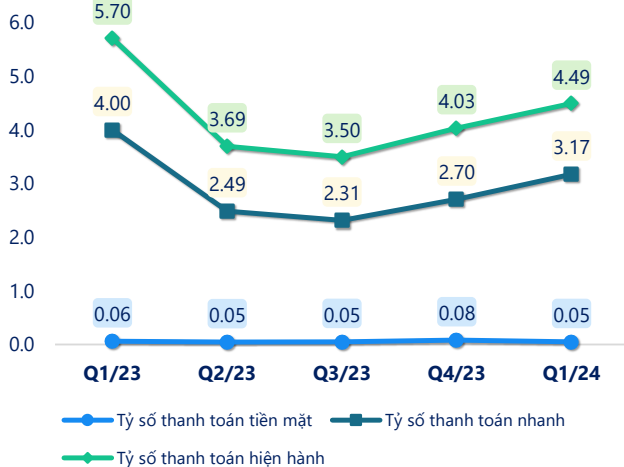
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

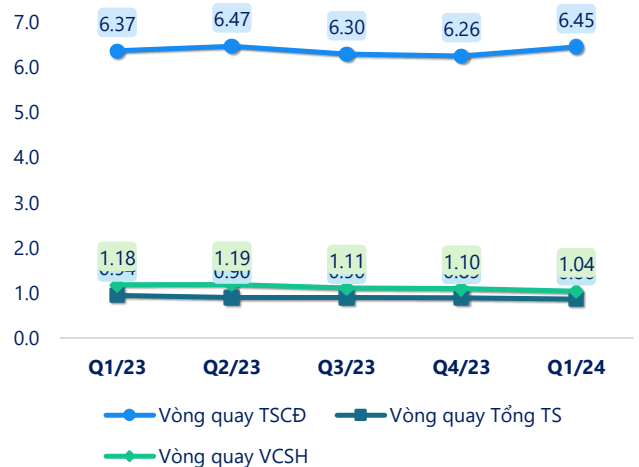
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	5,503	5,725	5,989	6,072	6,201
Tài sản ngắn hạn	4,478	4,552	4,648	4,635	4,746
Tiền và tương đương tiền	48.2	56.4	67.5	94.1	52.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,490	2,320	2,290	2,230	2,675
Phải thu ngắn hạn	562	639	656	721	576
Hàng tồn kho	1,339	1,490	1,574	1,528	1,395
Tài sản ngắn hạn khác	39.4	46.1	59.9	62.6	47.4
Tài sản dài hạn	1,025	1,173	1,342	1,436	1,455
Phải thu dài hạn	0.22	0.21	0.21	0.21	0.70
Tài sản cố định	770	773	791	816	793
Bất động sản đầu tư	14.2	31.9	31.7	31.5	31.3
Tài sản dở dang	185	306	460	522	557
Đầu tư tài chính dài hạn	4.61	4.51	4.16	4.18	4.42
Tài sản dài hạn khác	50.0	57.2	55.3	62.7	69.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	850	1,298	1,397	1,218	1,126
Nợ ngắn hạn	785	1,232	1,329	1,150	1,057
Vay và nợ thuê ngắn hạn	273	621	760	572	545
Phải trả người bán ngắn hạn	276	302	245	211	251
Nợ dài hạn	65.2	66.3	67.9	68.3	69.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,653	4,427	4,593	4,854	5,075
Vốn chủ sở hữu	4,653	4,427	4,593	4,854	5,075
Vốn điều lệ	1,307	1,307	1,307	1,307	1,307
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)